TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày: 08-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Nguyễn Hữu Cổn

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 22/02/2019, đối với bị cáo:

Bùi T, sinh năm 1986, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Khu phố 13, phường T, thị xã S, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi L (đã chết) và bà Mai C, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn P, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H – Công chức kế toán - Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi T làm nghề buôn bán tạp hóa tại ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 03 giờ ngày 30/11/2018, T cùng vợ là Nguyễn P chuẩn bị hàng hóa bày bán tại tiệm tạp hóa Phương thuộc ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Thiện nhìn thấy 01 mắt camera gắn trên trụ điện không số thuộc tuyến đường ĐT 748 của Ủy ban nhân dân xã Đ lắp đặt phục vụ giám sát an ninh, trật tự trong khu vực. T quan sát sung quanh vắng người nên nảy sinh ý định lấy trộm mắt camera về sử dụng nên T vào nhà lấy 01 cái kìm kim loại dài khoản 20cm rồi trèo lên cột điện dùng tay phải giật mạnh làm đế gắn camera bị gãy. Sau đó, T dùng kìm cắt đứt dây cáp điện rời khỏi mắt camera, rồi vứt cái kìm vào thùng rác bên cạnh trụ điện. T cầm camera mang về tiệm tạp hóa cất giấu trên gác.

Ngày 02/12/2018, ông Nguyễn H là cán bộ tài chính của Ủy ban nhân dân xã Đ được giao trông coi, quản lý mắt camera phát hiện bị mất trộm mắt camera nên đã đến Công an xã Đ trình báo sự việc.

Tại cơ quan điều tra Công an thị xã C, Bùi T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ: 01 mắt camera hiệu Panasonic KX 2200 màu trắng.

Ngày 2/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C định giá tài sản 01 mắt camera hiệu Panasonic KX 2200 màu trắng đã qua sử dụng trị giá là: 3.400.000 đồng.

Ngày 16/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 mắt camera hiệu Panasonic KX 2200 cho ông Nguyễn H là đại diện của bị hại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, bị hại không yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 14/2/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi T đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng truy tố và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Thiện từ 08 -10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, khoảng 03 giờ ngày 30/11/2018, trong lúc chuẩn bị bày bán tại tiệm tạp hóa Phương thuộc khu vực ấp S, xã Đn thì thiện đã có hành vi lấy trộm 01 mắt camera an ninh gắn trên trụ điện không số thuộc tuyến đường ĐT748 đối diện tiệm tạp hóa của bị cáo, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.400.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, vật chứng của vụ án và chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 14/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và kết luận của kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lén lúc chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị, nhưng vì ý thức xem thường pháp luật, nên bị cáo đã cố tình thực hiện, hậu quả làm cho bị hại là Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C bị thiệt hại về tài sản với giá trị 3.400.000 đồng. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có chú là ông Nguyễn H là liệt sỹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng,

nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ các nhận định trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Bùi T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự quy định để giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên